

Bản án số: 15/2017/HSST
Ngày: 23/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Quý - Phó chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
2. Ông Trần Văn Minh - Nguyên chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST ngày 21/7/2017 đối với bị cáo:

Võ Thị Ánh T, sinh năm 1993, tại tỉnh B; trú tại: Tổ 31, khu phố 6, phường H, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Võ X, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1967; chồng Nguyễn Hải Q, sinh năm 1988 (Đã ly hôn), bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại hiện có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

Bà Phan Thị H, sinh năm 1983; trú tại: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Võ X, sinh năm 1960; trú tại: Tổ 31, khu phố 6, phường H, thành phố Q, tỉnh B. Vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; trú tại: 37 Vũ Bảo, phường N, thành phố Q, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Ông Phan T, sinh năm 1962; trú tại: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Võ Thị Ánh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 04/5/2017, Võ Thị Ánh T đón xe khách Tân Tài đi đến huyện Đ thì Tuyết xuống xe và đi bộ đến nhà chị Phan Thị H lúc này khoảng 15 giờ cùng ngày, do trước đó giữa T và chị H có quen biết nhau nên T đến nhà chị H để tìm mỗi bán đồ hải sản khô, lúc T đến nhà chị H không có người trong nhà, cửa không khóa, nên T đi bộ vào nhà thấy có chìa khóa xe mô tô để trên đầu tủ lạnh ở nhà bếp và thấy xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát 81E1-056.39 dựng ở bên hông nhà nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên. Sau đó T điều khiển xe chạy về thành phố Q, khi đến địa phận huyện Tây Sơn thì T dừng xe để đổ xăng trên đường quốc lộ 19 thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 chiếc cong kim loại có đính đá màu xanh, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Thị H, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39 mang tên Phan T, 01 bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39, nên T chiếm đoạt toàn bộ tài sản và giấy tờ nói trên. T tiếp tục điều khiển xe về thành phố Q, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đem xe đến tiệm cầm đồ Hoàng Sang tại địa chỉ: số 37 Vũ Bảo, thành phố Q, do anh Nguyễn Văn T là chủ tiệm để cầm cố nhưng anh T không đồng ý cầm cố vì xe không chính chủ. Sau đó T điều khiển xe mô tô đến siêu thị COOP MART thành phố Q nhờ một người đàn ông ép giấy tờ đạo ép hình của T vào giấy chứng minh nhân dân của chị Phan Thị H, sau đó T quay trở lại tiệm cầm đồ Hoàng Sang, T đưa anh T giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe và xe mô tô nói trên, anh T đưa T số tiền 8.000.000 đồng. T đã sử dụng tiêu xài cá nhân, còn chiếc cong kim loại, giấy phép lái xe và bảo hiểm xe mô tô mang tên Phan Thị H, T đem về cất giữ tại nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 12/5/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị 01 xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39, nhãn hiệu Honda Vision tại thời điểm ngày 04/5/2017 là 13.000.000 đồng; giá trị 01 chiếc cong trang sức bằng đá bên ngoài và bên trong có bọc kim loại mạ giả vàng tại thời điểm ngày 04/5/2017 là 30.000đ. Tổng giá trị tài sản Võ Thị Ánh T chiếm đoạt của chị Phan Thị H là 13.030.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 11/Ctr-VKS ngày 20/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Võ Thị Ánh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Thị Ánh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị Ánh T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử

thách từ 18 đến 24 tháng. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Võ Thị Ánh T khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án, vì vậy đã có đủ cơ sở Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 15 giờ ngày 04/5/2017 bị cáo Võ Thị Ánh T đón xe khách từ thành phố Q đến huyện Đ sau đó đến nhà chị Phan Thị H, khi bị cáo đến nhà chị H thấy không có người trong nhà, cửa không khóa, nên bị cáo T lấy chìa khóa xe mô tô để trên đầu tủ lạnh ở nhà bếp và trộm cắp xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát 81E1-056.39 của chị H và điều khiển xe về thành phố Q. Trên đường bị cáo điều khiển xe về thành phố Q khi dừng xe đổ xăng thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 chiếc cong kim loại có đính đá màu xanh, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Thị H, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39 mang tên Phan T, 01 bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39, nên bị cáo chiếm đoạt toàn bộ tài sản và giấy tờ nói trên. Sau đó bị cáo cầm cố chiếc xe trên lấy 8.000.000 đồng để tiêu xài cho mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 12/5/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị 01 xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39, nhãn hiệu Honda Vision tại thời điểm ngày 04/5/2017 là 13.000.000 đồng ; Giá trị 01 chiếc cong trang sức bằng đá bên ngoài và bên trong có bọc kim loại mạ giả vàng tại thời điểm ngày 04/5/2017 là 30.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 13.030.000 đồng. Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Võ Thị Ánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Để nhật xét và đánh giá đúng nội dung tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Xét về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị H được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, đồng thời hành vi trên còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để có tiền tiêu xài phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ ý của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mà đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T sau khi phạm tội đã tác động với gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình có xác nhận chính quyền địa phương, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là thỏa đáng mà vẫn có tác dụng giáo dục, trừng trị người phạm tội trong chính sách nhân đạo về hình sự của Nhà nước ta.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại tài sản cho chị Phan Thị H gồm: 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 81E1-056.39; 01 chiếc cong kim loại màu vàng có đính đá hình vuông màu xanh, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Thị H, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39 mang tên Phan T và 01 bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 81E1-056.39 đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T đã nhận số tiền bồi thường 8.000.000 đồng và các đương sự khác trong vụ án không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Võ Thị Ánh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị Ánh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Võ Thị Ánh T 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 8 năm 2017).

Giao bị cáo Võ Thị Ánh T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử buộc bị cáo Võ Thị Ánh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (23/8/2017) bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình